TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HS-PT
Ngày 19-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Ngọc.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Hạnh

Ông Phạm Văn Phích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trương Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2018/TLPT-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị hại Lê Thị X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

Nguyễn Thị T, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1955, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn Nhất Th, xã Thái S, huyện An L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 4/10; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị T1; bị cáo có chồng và 04 con; tiền án, tiền sự: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03 tháng 5 năm 2018; có mặt.

- Bị hại kháng cáo: Chị Lê Thị X, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Nhất Th, xã Thái S, huyện An L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Lê Đức B và ông Phạm Văn L - đều là Luật sư của Văn phòng Luật 19/8 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 05 tháng 01 năm 2018, bị hại Lê Thị X mở cửa dắt xe đi làm thì thấy bị cáo Nguyễn Thị T đang dùng rễ và xẻng quét rác gom lại một đống ở phía bên kia đường, đối diện cửa nhà chị X, thấy vậy, chị X đã vào nhà cầm xẻng ra hất tung đống rác về phía cổng nhà bị cáo Nguyễn Thị T, vừa hất vừa chửi bị cáo T, giữa bị hại và bị cáo T đã cãi chửi nhau. Sau đó bị hại X và bị cáo T cầm xẻng vụt về phía nhau, lưỡi xẻng của bị hại X rơi xuống đất còn lại cán xẻng, bị cáo T vẫn tiếp tục vụt về phía người bị hại X làm xẻng trúng vào trán X gây thương tích. Được người dân can ngăn, bị cáo T và người bị hại X không đánh nhau nữa, người bị hại X được người nhà đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện An L từ ngày 05 tháng 01 năm 2018 đến ngày 12 tháng 01 năm 2018 thì xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 50/2018/TgT ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương rách da ảnh hưởng đến thẩm mỹ vùng mặt là 12% (mười hai phần trăm). Các vết thương rách da vùng mặt có đặc điểm do vật sắc hoặc tương đối sắc tác động trực T gây nên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2018/HS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2018, Toà án nhân dân huyện An L thành phố Hải Phòng đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Cố ý gây thương tích". Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tách đề nghị yêu cầu bồi thường của người bị hại Lê Thị X đối với bị cáo Nguyễn Thị T ra để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định pháp luật.

Ngoài ra Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 9 năm 2018, bị hại Lê Thị X kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm với lý do: Hình phạt tuyên cho bị cáo T là quá nhẹ chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Tòa án xem xét về vấn đề bồi thường thiệt hại dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại thống nhất trình bày: Kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm, cụ thể là hai nội dung: Phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị T 18 tháng tù hưởng án treo là quá nhẹ, đề nghị xử phạt tù giam và yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại. Căn cứ của yêu cầu kháng cáo: Về phần hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho bị cáo chưa chính xác dẫn đến quyết định cho bị cáo được

hưởng án treo là chưa đúng quy định pháp luật và chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Ngoài ra, thủ tục đăng ký đối với luật sư chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ, ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư trong vụ án này. Đây là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa thể hiện như sau:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại thấy: Có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị T chưa bồi thường cho bị hại, việc bị cáo T chuẩn bị số tiền 2.000.000 đồng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng số tiền này đã bồi thường cho bị hại hay xử lý như thế nào bản án sơ thẩm không nhắc đến. Vì vậy, bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp nhưng việc này cũng không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án. Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ, mức án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 18 tháng tù cho hưởng án treo, 36 tháng thử thách là phù hợp, đúng với quy định tại Thông tư số 02 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị hại. Về việc Tòa sơ thẩm tách phần bồi thường trách nhiệm dân sự giải quyết sau, bị hại kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu bồi thường là không thuộc phạm vi xét xử của cấp phúc thẩm. Đối với việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa cấp giấy chứng nhận bào chữa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng đây là công tác hành chính - tư pháp. Luật sư vẫn được tham gia đầy đủ tại cấp phúc thẩm nên vẫn đảm bảo quyền của luật sư tham gia vụ án và không làm thay đổi bản chất vụ án. Vấn đề này luật sư có quyền gửi đơn đến cấp trên của ngành Tòa án để giải quyết. Từ những phân tích đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án này, các Cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm về cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự; sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị cáo kháng cáo là hợp lệ, được chấp nhận.

- Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị hại Lê Thị X có 02 nội dung: Mức hình phạt xử cho bị cáo và vấn đề bồi thường dân sự.

+ Đối với nội dung thứ nhất của yêu cầu kháng cáo:

[2] Xét thấy, bị cáo Nguyễn Thị T đã thực hiện hành vi dùng xẻng có cán dài 1,15m, lưỡi xẻng bằng kim loại kiểu lưỡi vuông có kích thước 22cm x 19cm gây thương tích cho chị Lê Thị X làm chị X bị tổn thương 12% sức khỏe nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị cáo T phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 là đúng quy định pháp luật. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có chồng là người có công với Cách mạng đã được tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ, tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã chuẩn bị số tiền 02 triệu đồng để bồi thường cho bị hại và người bị hại trong vụ án cũng có lỗi dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Mặt khác bị cáo là người cao tuổi và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Từ những yếu tố đó, bản án sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo T 18 tháng tù cho hưởng án treo là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị hại Lê Thị X về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với nội dung thứ hai của yêu cầu kháng cáo:

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Do bị hại Lê Thị X chưa cung cấp được các chứng từ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu bồi thường dân sự của mình, Tòa án cấp sơ thẩm đã hoãn phiên tòa 02 lần vì lý do này, và phiên tòa mở lại lần thứ ba bị hại T tục vắng mặt nên Tòa sơ thẩm đã xét xử vắng mặt và quyết định tách việc bồi thường để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi có yêu cầu là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của bị hại Lê Thị X về việc Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị hại Lê Thị X không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Thị X và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Cố ý gây thương tích". Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Thái S, huyện An L, thành phố Hải Phòng nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt tù cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo, thay đổi nơi cư trú, thì Ủy ban nhân dân xã Thái S có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự cấp huyện để thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tách đề nghị yêu cầu bồi thường của bị hại Lê Thị X đối với bị cáo Nguyễn Thị T ra để xem xét giải quyết ở một vụ án khác khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị hại Lê Thị X không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- VKSND TP HP;
- VKSND huyện An L;
- PV27 Công an TPHP;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Cơ quan THAHS huyện An L;
- Công an huyện An L;
- Toà án nhân dân huyện An L;
- Chi cục THA dân sự huyện An L;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cao Thành Ngọc